

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Tường Nga

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Minh, bà Lê Kim Phương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở TAND quận Long Biên, phường Giang Biên, Q. Long Biên, TP Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 375/HNGĐ ngày 11/11/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXX ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTPT, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh NVT, sinh năm 1979

Cùng HKTT: Tổ 12 phường CK, quận LB, TP HN

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị NTPT trình bày:**

- Về tình cảm: Chị NTPT và anh NVT kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2004 tại UBND phường Cự Khối, quận Long Biên, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân do anh T mãi chơi cờ bạc và ghen tuông vô cớ nên hay đánh chị T. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa giải hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là:

NVT, sinh ngày 15/9/2005

Do anh T có nguyện vọng nuôi con, hiện nay cháu T đang sinh sống ổn định và học tập tại phường CK cùng bố và ông bà nội nên chị đồng ý để anh T nuôi con, hiện nay chị đang đi thuê trọ, không có chỗ ở, việc làm không ổn định nên cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh T.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn là anh NVT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo quan điểm khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án.**

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà phát biểu:** Toà án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28; Điều 220; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án,.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTPT. Chị T được ly hôn với anh NVT.

+ Con chung: Anh chị có 01 con chung là: NVT, sinh ngày 15/9/2005

Giao cháu T cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nên không xét.

+ Tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị NTPT xin ly hôn với anh NVT có cùng HKTT tại: Tổ 12 phường CK, quận LB, TP HN. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ

lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị NTPT và anh NVT kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cự Khối, quận Long Biên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng nên xin ly hôn, anh NVT đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, biết được quan điểm khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có văn bản ghi ý kiến về quan điểm nguyện vọng của mình, không có thiện chí tham gia các buổi hòa giải của Tòa án để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị NTPT là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là:

Anh chị có 01 con chung là: NVT, sinh ngày 15/9/2005
Hiện cháu T đang ở với bố, sinh hoạt, học tập ổn định và cháu có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy chị T hiện không có nơi sinh sống, thu nhập không ổn định, chị T có quan điểm đồng ý để cháu T cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Chị NTPT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTPT. Chị NTPT được ly hôn với anh NVT.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: NVT, sinh ngày 15/9/2005.

Giao cháu T cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với chị T cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTPT phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0064806 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND quận Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Cự Khối
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tường Nga